



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

io

tu

lui

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

lei

esso

noi

các bạn

họ

cái gì

voi

loro

cosa

ai

ở đâu

tại sao

chi

dove

perché

làm sao

come

cái nào

quale

lúc nào

quando

sau đó

dopo

nếu

se

thật sự

davvero

nhưng

ma

bởi vì

perché

không

non

này

questo

đó
vật

quello

tất cả

tutto

hoặc

và

đây

o

e

qui

đó
địa điểm

trái

phải

lì

sinistra

destra

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

adesso

il
pomeriggio

la
mattina

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

la
notte

la
mattina presto

la
sera

buổi trưa

il
mezzogiorno

nửa đêm

la
mezzanotte

giờ

la
ora
l'ora

phút

il
minuto

giây

il
secondo

ngày

il
giorno

tuần

la
settimana

tháng

il
mese

năm

il
anno
l'anno

hôm qua

ieri

hôm nay

oggi

ngày mai

domani

thứ hai
ngày

lunedì

thứ ba
ngày

martedì

thứ tư
ngày

mercoledì

thứ năm

giovedì

thứ sáu

venerdì

thứ bảy

sabato

chủ nhật

domenica

đàn bà

la
donna

đàn ông

il
uomo
l'uomo

tình yêu

il
amore
l'amore

bạn trai

il
ragazzo

bạn gái

la
ragazza

bạn
danh từ

il
amico
l'amico

hôn
danh từ

il
bacio

tình dục

il
sesso

trẻ em

il
bambino

con gái
đại cương

la
ragazza

con trai
đại cương

il
ragazzo

mẹ

la
mamma

ba

il
papà

má
mẹ

la
madre

cha

il
padre

cha mẹ

i
genitori

con trai
gia đình

il
figlio

con gái
gia đình

la
figlia

em gái

la
sorella minore

em trai

il
fratello minore

chị gái

la
sorella maggiore

anh trai

il
fratello maggiore

chồng

il
marito

vợ

la
moglie

mỗi / mọi

ogni

luôn luôn

sempre

thực ra

in realtà

lần nữa

di nuovo

đã

già

ít hơn

meno

phần lớn

il più

nhiều hơn

di più

không có

nessuno

rất

molto

ở ngoài

fuori

ở trong

dentro

xa

lontano

gần

vicino

bên dưới

sotto

bên trên

sopra

bên cạnh

di fianco

phía trước

phía sau

mọi người

fronte

retro

tutti

cùng nhau

khác

mùa xuân

insieme

altro

la
primavera

mùa hè

mùa thu

mùa đông

la
estate
l'estate

il
autunno
l'autunno

il
inverno
l'inverno

tháng một

tháng hai

tháng ba

gennaio

febbraio

marzo

tháng tư

aprile

tháng năm

maggio

tháng sáu

giugno

tháng bảy

luglio

tháng tám

agosto

tháng chín

settembre

tháng mười

ottobre

tháng mười một

novembre

tháng mười hai

dicembre

bắc

nord

đông

est

nam

sud

tây

thường xuyên

ngay lập tức

ovest

spesso

immediatamente

đột ngột

mặc dù

improvvisamente

anche se

Số

0

zero

1

uno

2

due

3

tre

4

quattro

5

cinque

6

sei

7

sette

8

otto

9

nove

10

dieci

11

undici

12

dodici

13

tredici

14

quattordici

15

quindici

16

sedici

17

diciassette

18

diciotto

19

diciannove

20

venti

21

ventuno

22

ventidue

26

ventisei

30

trenta

31

trentuno

33

trentatré

37

trentasette

40

quaranta

41

quarantuno

44

quarantaquattro

48

quarantotto

50

cinquanta

51

cinquantuno

55

cinquantacinque

59

cinquantanove

60

sessanta

61

sessantuno

62

sessantadue

66

sessantasei

70

settanta

71

settantuno

73

settantatr 

77

settantasette

80

ottanta

81

ottantuno

84

ottantaquattro

88

ottantotto

90

novanta

91

novantuno

95

novantacinque

99

novantanove

100

cento

101

centouno

105

centocinque

110

centodieci

151

centocinquantuno

200

duecento

202

duecentodue

206

duecentosei

220

duecentoventi

262

duecentosessantadue

300

trecento

303

trecentotré

307

trecentosette

330

trecentotrenta

373

trecentosettanta

400

quattrocento

404

quattrocentoquattro

408

quattrocentotto

440

quattrocentoquaranta

484

quattrocentottantaquattro

500

cinquecento

505

cinquecentocinque

509

cinquecentonove

550

cinquecentocinquanta

595

cinquecentonovantacinque

600

seicento

601

seicentouno

606

seicentosei

616

seicentosedici

660

seicentosessanta

700

settecento

702

settecentodue

707

settecentosette

727

settecentoventisette

770

settecentosettanta

800

ottocento

803

ottocentotré

808

ottocentootto

838

ottocentotrentotto

880

ottocentottanta

900

novecento

904

novecentoquattro

909

novecentonove

949

novecentoquarantanove

990

novecentonovanta

1000

mille

1001

milleuno

1012

milledodici

1234

milleduecentotrentaquattro

2000

duemila

2002

duemiladue

2023

duemilaventitré

2345

duemilatrecentoquarantacinque

3000

tremila

3003

tremilatré

4000

quattromila

4045

quattromilaquarantacinque

5000

cinquemila

5678

cinquemilaseicentosettantotto

6000

seimila

7000

settemila

7890

settemilaottocentonovanta

8000

ottomila

8901

ottomilanovecentouno

9000

novemila

9090

novemilanovanta

10.000

diecimila

10.001

diecimilauno

20.020

ventimilaventi

30.300

trentamilatrecento

44.000

quarantaquattromila

100.000

centomila

500.000

cinquecentomila

1.000.000

un milione

6.000.000

sei milioni

10.000.000

dieci milioni

70.000.000

settanta milioni

100.000.000

cento milioni

800.000.000

ottocento milioni

1.000.000.000

un miliardo

9.000.000.000

nove miliardi

10.000.000.000

dieci miliardi

20.000.000.000

venti miliardi

100.000.000.000

cento miliardi

300.000.000.000

trecento miliardi

1.000.000.000.000

mille miliardi

Động từ

biết

sapere

so, avere saputo, sapendo

nghĩ

pensare

penso, avere pensato, pensando

đến

venire

vengo, essere venuto, venendo

đặt

mettere

metto, avere messo, mettendo

lấy

prendere

prendo, avere/essere preso,
prendendo

tìm

trovare

trovo, avere trovato, trovando

nghe

ascoltare

ascolto, avere ascoltato, ascoltando

làm việc

lavorare

lavoro, avere lavorato, lavorando

nói chuyện

parlare

parlo, avere parlato, parlando

cho

dare

do, avere dato, dando

thích

piacere

piaccio, essere piaciuto, piacendo

giúp đỡ

aiutare

aiuto, avere aiutato, aiutando

yêu

amare
amo, avere amato, amando

gọi

fare una telefonata
faccio, avere fatto, facendo

chờ đợi

aspettare
aspetto, avere aspettato, aspettando

đứng

stare in piedi
sto, essere stato, stando

ngồi

sedere
siedo, essere seduto, seduto

đóng

chiudere
chiudo, avere chiuso, chiudendo

mở
cửa

aprire
apro, avere aperto, aprendo

thua

perdere
perdo, avere perduto, perdendo

thắng

vincere
vinco, avere vinto, vincendo

chết

morire
muoio, essere morto, morendo

sống
động từ

vivere
vivo, essere vissuto, vivendo

bật

accendere
accendo, avere acceso, accendendo

tắt

spegnere

spengo, avere spento, spegnendo

giết

uccidere

uccido, avere ucciso, uccidendo

làm bị thương

ferire

ferisco, avere ferito, ferendo

chạm

toccare

tocco, avere toccato, toccando

xem

guardare

guardo, avere guardato, guardando

uống

bere

bevo, avere bevuto, bevendo

ăn

mangiare

mangio, avere mangiato, mangiando

đi bộ

camminare

cammino, avere camminato, camminando

gặp

incontrare

incontro, avere incontrato, incontrando

đặt cược

scommettere

scommetto, avere scommesso, scommettendo

hôn
động từ

baciare

bacio, avere baciato, baciando

đi theo

seguire

seguo, avere/essere seguito, seguendo

cưới

sposare
sposo, avere sposato, sposando

trả lời

rispondere
rispondo, avere risposto,
rispondendo

hỏi

chiedere
chiedo, avere chiesto, chiedendo

kéo

tirare
tiro, avere tirato, tirando

đẩy

spingere
spingo, avere spinto, spingendo

ấn

premere
premo, avere premuto, premendo

đánh

colpire
colpisco, avere colpito, colpendo

bắt

catturare
catturo, avere catturato, catturando

chiến đấu

combattere
combatto, avere combattuto,
combattendo

ném

lanciare
lancio, avere lanciato, lanciando

chạy
động từ

correre
corro, avere corso, correndo

đọc

leggere
leggo, avere letto, leggendo

viết

scrivere

scrivo, avere scritto, scrivendo

sửa chữa

aggiustare

aggiusto, avere aggiustato,
aggiustando

đếm

contare

conto, avere contato, contando

cắt

tagliare

taglio, avere tagliato, tagliando

bán

vendere

vendo, avere venduto, vendendo

mua

comprare

compro, avere comprato, comprando

trả

pagare

pago, avere pagato, pagando

học

studiare

studio, avere studiato, studiando

mơ

sognare

sogno, avere sognato, sognando

ngủ

dormire

dormo, avere dormito, dormendo

chơi

giocare

gioco, avere giocato, giocando

ăn mừng

festeggiare

festeggio, avere festeggiato,
festeggiando

thưởng thức

godere
godo, avere goduto, godendo

dọn dẹp

pulire
pulisco, avere pulito, pulendo

bắn

sparare
sparo, avere sparato, sparando

bảo vệ

difendere
difendo, avere difeso, difendendo

tấn công

attaccare
attacco, avere attaccato, attaccando

trộm

rubare
rubo, avere rubato, rubando

đốt

bruciare
brucio, avere bruciato, bruciando

cứu

salvare
salvo, avere salvato, salvando

bay

volare
volo, avere/essere volato, volando

khạc nhổ

sputare
sputo, avere sputato, sputando

đá
động từ

calciare
calcio, avere calciato, calciando

cắn

mordere
mordo, avere morso, mordendo

thở

respirare

respiro, avere respirato, respirando

ngửi

odorare

odoro, avere odorato, odorando

khóc

piangere

piango, avere pianto, piangendo

hát

cantare

canto, avere cantato, cantando

cười mỉm

sorridere

sorrido, avere sorriso, sorridendo

cười

ridere

rido, avere riso, ridendo

lớn lên

crescere

cresco, essere cresciuto, crescendo

co lại

rimpicciolire

rimpicciolisco, avere rimpicciolito,
rimpicciolendo

tranh luận

litigare

litigo, avere litigato, litigando

chia sẻ

condividere

condivido, avere condiviso,
condividendo

cho ăn

nutrire

nutro, avere nutrito, nutrendo

trốn

nascondere

nascondo, avere nascosto,
nascondendo

cảnh báo

avvisare

avviso, avere avvisato, avvisando

bơi

nuotare

nuoto, avere nuotato, nuotando

nhảy

saltare

salto, avere saltato, saltando

nâng

sollevare

sollevo, avere sollevato, sollevando

đào

scavare

scavo, avere scavato, scavando

giao hàng

consegnare

consegno, avere consegnato, consegnando

tìm kiếm

cercare

cerco, avere cercato, cercando

luyện tập

praticare

pratico, avere praticato, praticando

đi du lịch

viaggiare

viaggio, avere viaggiato, viaggiando

vẽ

dipingere

dipingo, avere dipinto, dipingendo

mở

khóa

aprire

apro, avere aperto, aprendo

khóa

chiudere

chiudo, avere chiuso, chiudendo

rửa

lavare

lavo, avere lavato, lavando

cầu nguyện

pregare

prego, avere pregato, pregando

nấu ăn

cucinare

cucino, avere cucinato, cucinando

nôn

vomitare

vomito, avere vomitato, vomitando

la hét

urlare

urlo, avere urlato, urlando

trích dẫn

citare

cito, avere citato, citando

in

stampare

stampo, avere stampato, stampando

tính toán

calcolare

calcolo, avere calcolato, calcolando

kiếm tiền

guadagnare

guadagno, avere guadagnato, guadagnando

Tính từ

mới

nuovo
nuova, nuovi, nuove

cũ

vecchio
vecchia, vecchi, vecchie

ít

poco
poca, pochi, poche

nhiều

tanto
tanta, tanti, tante

sai

sbagliato
sbagliata, sbagliati, sbagliate

chính xác

corretto
corretta, corretti, corrette

xấu

cattivo
cattiva, cattivi, cattive

tốt

buono
buona, buoni, buone

hạnh phúc

contento
contenta, contenti, contente

ngắn

corto
corta, corti, corte

dài

lungo
lunga, lunghi, lunghe

nhỏ

piccolo
piccola, piccoli, piccole

lớn
to

grande
grande, grandi, grandi

xinh đẹp

bella
bello, bella, belli, belle

trẻ

giovane
giovane, giovani, giovani

già

vecchio
vecchia, vecchi, vecchie

màu trắng

bianco
bianca, bianchi, bianche

màu đen

nero
nera, neri, nere

màu đỏ

rosso
rossa, rossi, rosse

màu xanh da trời

blu
blu, blu, blu

màu xanh lá cây

verde
verde, verdi, verdi

màu vàng

giallo
gialla, gialli, gialle

chậm

lento
lenta, lenti, lente

nhanh

veloce
veloce, veloci, veloci

vui vẻ

divertente

divertente, divertenti, divertenti

không công bằng

ingiusto

ingiusta, ingiusti, ingiuste

công bằng

giusto

giusta, giusti, giuste

khó

difficile

difficile, difficili, difficili

dễ

facile

facile, facili, facili

giàu

ricco

ricca, ricchi, ricche

nghèo

povero

povera, poveri, povere

khỏe

forte

forte, forti, forti

yếu

debole

debole, deboli, deboli

an toàn

sicuro

sicura, sicuri, sicure

mệt mỏi

stanco

stanca, stanchi, stanche

tự hào

orgoglioso

orgogliosa, orgogliosi, orgogliose

no bụng

sazio
sazia, sazi, sazie

bệnh

malato
malata, malati, malate

khỏe mạnh

sano
sana, sani, sane

tức giận

arrabbiato
arrabbiata, arrabbiati, arrabbiate

thấp
đại cương

basso
bassa, bassi, basse

cao
đại cương

alto
alta, alti, alte

ngọt

dolce
dolce, dolci, dolci

chua

aspro
aspra, aspri, aspre

mềm

morbido
morbida, morbidi, morbide

cứng

duro
dura, duri, dure

đáng yêu

carino
carina, carini, carine

ngu ngốc

stupido
stupida, stupidi, stupide

điên khùng

pazzo
pazza, pazzi, pazze

bận rộn

occupato
occupata, occupati, occupate

cao
người

alto
alta, alti, alte

thấp
người

basso
bassa, bassi, basse

lo lắng

preoccupato
preoccupata, preoccupati,
preoccupate

ngạc nhiên

sorpreso
sorpresa, sorpresi, sorprese

cư xử tốt

educato
educata, educati, educate

ác độc

cattivo
cattiva, cattivi, cattive

khéo léo

intelligente
intelligente, intelligenti, intelligenti

lạnh

freddo
fredda, freddi, fredde

nóng

caldo
calda, caldi, calde

màu cam

arancione
arancione, arancione, arancione

màu xám

grigio
grigia, grigi, grigie

màu nâu

marrone
marrone, marroni, marroni

màu hồng

rosa
rosa, rosa, rosa

nhàm chán

noioso
noiosa, noiosi, noiose

nặng

pesante
pesante, pesanti, pesanti

nhẹ

leggero
leggera, leggeri, leggere

cô đơn

solitario
solitaria, solitari, solitarie

đói bụng

affamato
affamata, affamati, affamate

khát nước

assetato
assetata, assetati, assetate

buồn

triste
triste, tristi, tristi

dốc

ripido
ripida, ripidi, ripide

bằng phẳng

piatto
piatta, piatti, piatte

hẹp

stretto
stretta, stretti, strette

rộng

ampio
ampia, ampi, ampie

sâu

profondo
profonda, profondi, profonde

nông

poco profondo
profonda, profondi, profonde

lớn
rất

enorme
enorme, enormi, enormi

bẩn

sporco
sporca, sporchi, sporche

sạch sẽ

pulito
pulita, puliti, pulite

đầy

pieno
piena, pieni, piene

trống rỗng

vuoto
vuota, vuoti, vuote

đắt

costoso
costosa, costosi, costose

rẻ

economico
economica, economici, economiche

quyến rũ

sexy
sexy, sexy, sexy

lười biếng

pigro

pigra, pigri, pigre

dũng cảm

coraggioso

coraggiosa, coraggiosi, coraggiose

hào phóng

generoso

generosa, generosi, generose

ướt

bagnato

bagnata, bagnati, bagnate

khô

asciutto

asciutta, asciutti, asciutte

ồn ào

forte

forte, forti, forti

yên tĩnh

tranquillo

tranquilla, tranquilli, tranquille

nắng

soleggiato

soleggiata, soleggiati, soleggiate

nhiều mưa

piovoso

piovosa, piovosi, piovose

sương mù
tính từ

nebbioso

nebbiosa, nebbiosi, nebbiose

nhiều mây

nuvoloso

nuvolosa, nuvolosi, nuvolose

Thể thao

thể dục dụng cụ

la
ginnastica

quần vợt

il
tennis

chạy
danh từ

la
corsa

đạp xe

il
ciclismo

đánh golf

il
golf

bóng đá

il
calcio

bóng rổ

la
pallacanestro

bơi lội

il
nuoto

lặn

la
immersione
l'immersione

đi bộ đường dài

il
escursionismo
l'escursionismo

chạy marathon

la
maratona

ba môn phối hợp

il
triathlon

bóng bàn

il
ping pong

cử tạ

il
sollevamento pesi

quyền anh

il
pugilato

cầu lông

il
badminton

trượt băng nghệ thuật

il
pattinaggio artistico

trượt ván tuyết

lo
snowboard

trượt tuyết

lo
sci

trượt tuyết băng đồng

lo
sci di fondo

khúc côn cầu trên băng

il
hockey su ghiaccio
l'hockey su ghiaccio

bóng chuyền

la
pallavolo

bóng ném

la
pallamano

bóng chuyền bãi biển

il
beach volley

bóng rugby

il
rugby

bóng gậy

il
cricket

bóng chày

il
baseball

bóng bầu dục Mỹ

il
football americano

bóng nước

la
pallanuoto

nhảy cầu

i
tuffi

lướt sóng

il
surf

đua thuyền buồm

la
vela

chèo thuyền

il
canottaggio

yoga

lo
yoga

khiêu vũ

la
danza

nhảy dù

il
paracadutismo

cờ vua

gli
scacchi

đánh bài poker

il
poker

bowling

il
bowling

múa ba lê

la
danza classica

Động vật

con lợn

il
maiale

con bò

la
mucca

con ngựa

il
cavallo

con chó

il
cane

con cừu

la
pecora

con khỉ

la
scimmia

con mèo

il
gatto

con gấu

il
orso
l'orso

con gà

il
pollo

con vịt

la
anatra
l'anatra

con bướm

la
farfalla

con ong

la
ape
l'ape

con cá

il
pesce

con nhện

il
ragno

con rắn

il
serpente

con hổ

la
tigre

con chuột

il
topo

con thỏ

il
coniglio

con sư tử

il
leone

con lừa

il
asino
l'asino

con voi

il
elefante
l'elefante

con chim bồ câu

il
piccione

con bọ

il
insetto
l'insetto

con muỗi

la
zanzara

con ruồi

la
mosca

con kiến

la
formica

con cá voi

la
balena

con cá mập

lo
squalo

con cá heo

il
delfino

con ốc sên

la
lumaca

con ếch

la
rana

con gấu trúc

il
panda

con gấu Bắc cực

il
orso polare
l'orso polare

con chó sói

il
lupo

con gấu túi

il
koala

con chuột túi

il
canguro

con hươu cao cổ

la
giraffa

con cáo

la
volpe

con hà mã

il
ippopotamo
l'ippopotamo

con dơi

il
pipistrello

con quạ

il
corvo

con thiên nga

il
cigno

con chim hải âu

il
gabbiano

con cú

il
gufo

con chim cánh cụt

il
pinguino

con vẹt

il
pappagallo

con sâu bướm

il
bruco

con chuồn chuồn

la
libellula

con mực ống

il
calamaro

con bạch tuộc

il
polpo

con cá ngựa

il
cavalluccio marino

con hải cẩu

la
foca

con sứa

la
medusa

con cua

il
granchio

con khủng long

il
dinosaurio

con rùa cạn

la
tartaruga

con cá sấu

il
coccodrillo

Quốc gia

Châu Âu

la
Europa
l'Europa

Châu Á

la
Asia
l'Asia

Châu Mỹ

la
America
l'America

Châu Phi

la
Africa
l'Africa

Vương quốc Anh

il
Regno Unito

Tây Ban Nha

la
Spagna

Thụy sĩ

la
Svizzera

Ý

la
Italia
l'Italia

Pháp

la
Francia

Đức

la
Germania

Thái Lan

la
Tailandia

Singapore

Singapore

Nga

la
Russia

Nhật Bản

il
Giappone

Israel

Israele

Ấn Độ

la
India
l'India

Trung Quốc

la
Cina

Hoa Kỳ

gli
Stati Uniti d'America

Mexico

il
Messico

Canada

il
Canada

Chile

il
Cile

Brazil

il
Brasile

Argentina

la
Argentina
l'Argentina

Nam Phi

il
Sud Africa

Nigeria

la
Nigeria

Ma Rốc

il
Marocco

Libya

la
Libia

Kenya

il
Kenia

Algeria

la
Algeria
l'Algeria

Ai Cập

il
Egitto
l'Egitto

New Zealand

la
Nuova Zelanda

Úc

la
Australia
l'Australia

Cơ thể

đầu

la
testa

mũi

il
naso

tóc

il
capello

miệng

la
bocca

tai

il
orecchio
l'orecchio

mắt

il
occhio
l'occhio

bàn tay

la
mano

bàn chân

il
piede

tim

il
cuore

não

il
cervello

cổ

il
collo

mông

il
fondoschiena

vai

la
spalla

đầu gối

il
ginocchio

chân

la
gamba

tay

il
braccio

bụng

la
pancia

ngực

il
seno

lưng

la
schiena

răng

il
dente

lưỡi

la
lingua

môi

il
labbro

ngón tay

il
dito

ngón chân

il
dito del piede

dạ dày

lo
stomaco

phổi

il
polmone

gan

il
fegato

dây thần kinh

il
nervo

thận

il
rene

ruột

il
intestino
l'intestino

trán

la
fronte

cằm

il
mento

má
cơ thể

la
guancia

râu

la
barba

ngón cái

il
pollice

ngón tay út

il
mignolo

ngón tay đeo nhẫn

il
anulare
l'anulare

ngón tay giữa

il
dito medio

ngón tay trỏ

il
indice
l'indice

móng tay

la
unghia
l'unghia

gót chân

il
tallone

xương sống

la
spina dorsale

cơ bắp

il
muscolo

xương
cơ thể

il
osso
l'osso

bộ xương

lo
scheletro

xương sườn

la
costola

đốt sống

la
vertebra

bàng quang

la
vescica

tĩnh mạch

la
vena

động mạch

la
arteria
l'arteria

âm đạo

la
vagina

tinh trùng

lo
sperma

dương vật

il
pene

tinh hoàn

il
testicolo

Ngôi nhà

cửa

la
porta

nhà bếp

la
cucina

phòng tắm

il
bagno

phòng khách

il
salotto

phòng ngủ

la
camera da letto

vườn

il
giardino

gara

il
garage

tường

il
muro

tầng hầm

il
seminterrato

nhà vệ sinh
nhà ở

il
gabinetto

cầu thang

le
scale

mái nhà

il
tetto

cửa sổ
tòa nhà

la
finestra

dao

il
coltello

tách

la
tazza

ly

il
bicchiere

đĩa

il
piatto

cốc

la
tazza

thùng rác

il
bidone della spazzatura

tô

la
ciotola

bàn
văn phòng

la
scrivania

giường

il
letto

gương

lo
specchio

vòi hoa sen

la
doccia

ghế sofa

il
divano

ảnh

la
foto

đồng hồ

il
orologio
l'orologio

bàn
nhà

il
tavolo

ghế
nhà

la
sedia

hàng xóm

il
vicino

thang máy

il
ascensore
l'ascensore

ban công

il
balcone

gác xép

la
soffitta

ống khói

il
camino

muỗng gỗ

il
cucchiaino di legno

đũa

la
bacchetta

bộ dao nĩa

le
posate

muỗng

il
cucchiaino

nĩa

la
forchetta

cái vá

il
mestolo

nồi

la
pentola

chảo

la
padella

bóng đèn

la
lampadina

giá sách

la
libreria

rèm

la
tenda

nệm

il
materasso

gối

il
cuscino

chăn

la
coperta

kệ

la
mensola

ngăn kéo

il
cassetto

tủ quần áo

il
armadio
l'armadio

xô

il
secchio

chổi

la
scopa

cái cân

la
bilancia

giỏ đựng đồ giặt

il
cesto della biancheria

bồn tắm

la
vasca da bagno

khăn tắm
to lớn

il
asciugamano da bagno
l'asciugamano da bagno

xà phòng

il
sapone

giấy vệ sinh

la
carta igienica

khăn tắm
nhỏ bé

il
asciugamano
l'asciugamano

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

il
lavandino

la
scala a pioli

la
cassetta della posta

hàng rào

il
recinto

Thức ăn

trứng

il
uovo
l'uovo

phô mai

il
formaggio

sữa

il
latte

cá

il
pesce

thịt

la
carne

xương
món ăn

il
osso
l'osso

dầu

il
olio
l'olio

bánh mì

il
pane

đường
món ăn

lo
zucchero

sô cô la

il
cioccolato

kẹo

la
caramella

bánh bông lan

la
torta

nước

la
acqua
l'acqua

cà phê

il
caffè

trà

il
tè

bia

la
birra

rượu nho

il
vino

sa lát

la
insalata
l'insalata

súp

la
zuppa

món tráng miệng

il
dolce

bữa ăn sáng

la
colazione

bữa trưa

il
pranzo

bữa tối

la
cena

pizza

la
pizza

kem

il
gelato

bơ

il
burro

sữa chua

lo
yogurt

cá ngừ

il
tonno

cá hồi

il
salmone

giăm bông

il
prosciutto

thịt ba rọi

la
pancetta

xúc xích

la
salsiccia

thịt gà tây

il
tacchino

thịt gà

il
pollo

thịt bò

il
manzo

thịt heo

il
maiale

thịt cừu

il
agnello
l'agnello

bí ngô

la
zucca

nấm

il
fungo

nấm cục

il
tartufo

tỏi

il
aglio
l'aglio

tỏi tây

il
porro

gừng

lo
zenzero

cà tím

la
melanzana

khoai lang

la
patata dolce

cà rốt

la
carota

dưa chuột

il
cetriolo

ớt

il
peperoncino

ớt chuông

il
pepe

củ hành

la
cipolla

khoai tây

la
patata

bông cải trắng

il
cavolfiore

bắp cải

il
cavolo

bông cải xanh

i
broccoli

xà lách

la
lattuga

rau chân vịt

gli
spinaci

tre

il
bambù

ngô

il
mais

cần tây

il
sedano

đậu Hà Lan

il
pisello

hạt đậu

il
fagiolo

quả lê

la
pera

quả táo

la
mela

quả ô liu

la
oliva
l'oliva

quả sung

il
fico

quả chà là

il
dattero

quả dừa

il
cocco

quả hạnh nhân

la
mandorla

hạt phỉ

la
nocciola

đậu phộng

la
arachide
l'arachide

quả chuối

la
banana

quả xoài

il
mango

quả kiwi

il
kiwi

quả bơ

il
avocado
l'avocado

quả dứa

la
ananas
l'ananas

dưa hấu

la
anguria
l'anguria

quả nho

il
acino d'uva
l'acino d'uva

dưa gang

il
melone giallo

quả mâm xôi

il
lampone

quả việt quất

il
mirtillo

quả dâu tây

la
fragola

quả anh đào

la
ciliegia

quả mận

la
prugna

quả mơ

la
albicocca
l'albicocca

quả đào

la
pesca

quả chanh

il
limone

quả bưởi

il
pompelmo

quả cam

la
arancia
l'arancia

cà chua

il
pomodoro

bạc hà

la
menta

sả

la
citronella

quế

la
cannella

vani

la
vaniglia

muối

il
sale

tiêu

il
pepe

cà ri

il
curry

thuốc lá
thực vật

il
tabacco

đậu hũ

il
tofu

giấm

il
aceto
l'aceto

mì sợi

lo
spaghetti

sữa đậu nành

il
latte di soia

bột mì

la
farina

gạo

il
riso

yến mạch

la
avena
l'avena

lúa mì

il
grano

đậu nành

la
soia

hạt

la
noce

mật ong

il
miele

mút

la
marmellata

kẹo cao su

la
gomma da masticare

bánh kẹp

il
pancake

bánh quy

il
biscotto

bánh pudding

il
budino

bánh muffin

il
muffin

bánh rán vòng

la
ciambella

nước tăng lực

la
bevanda energetica

nước cam

il
succo d'arancia

nước táo

il
succo di mela

sữa lắc

il
frappè

coca cola

la
coca cola

sô cô la nóng

la
cioccolata calda

rượu cocktail

il
cocktail

rượu rum

il
rum

rượu whisky

il
whisky

rượu vodka

la
vodka

thực đơn

il
menù

hải sản

i
frutti di mare

mì Ý

gli
spaghetti

sushi

il
sushi

bắp rang bơ

il
popcorn

khoai tây lát mỏng

le
patatine

cánh gà

le
ali di pollo

khoai tây chiên

le
patatine fritte

mù tạt

la
senape

sốt mayonnaise

la
maionese

nước sốt cà chua

la
salsa di pomodoro

bánh mì kẹp

il
sandwich

bánh mì kẹp xúc xích

il
hot dog
l'hot dog

bánh burger

il
burger

Trường học

sách

il
libro

thư viện

la
biblioteca

bài tập về nhà

i
compiti a casa

bài thi

il
esame
l'esame

bài học

la
lezione

khoa học

le
scienze

lịch sử

la
storia

nghệ thuật

la
arte
l'arte

cây bút

la
penna

bút chì

la
matita

thứ nhất

il
primo

thứ hai
2

il
secondo

thứ ba
3

il
terzo

thứ tư
4

il
quarto

ngiên cứu

la
ricerca

bằng cấp

la
laurea

sân thể thao

il
campo sportivo

từ điển

il
dizionario

học kì

il
semestre

sổ tay

il
quaderno

hình học

la
geometria

chính trị học

la
politica

triết học

la
filosofia

kinh tế học

la
economia
l'economia

giáo dục thể chất

la
educazione fisica
l'educazione fisica

sinh học

la
biologia

toán học

la
matematica

địa lý

la
geografia

văn học

la
letteratura

hóa học

la
chimica

vật lý

la
fisica

cái thước

il
righello

cục tẩy

la
gomma da cancellare

cái kéo

le
forbici

băng dính

il
nastro adesivo

keo dán

la
colla

bút bi

la
penna a sfera

kẹp giấy

la
graffetta

3%

il
tre per cento

100%

il
cento per cento

0%

lo
zero per cento

mét khối

il
metro cubo

mét vuông

il
metro quadrato

dặm

il
miglio

mét

il
metro

mi-li-mét

il
millimetro

xen-ti-mét

il
centimetro

đề-xi-mét

il
decimetro

phép cộng

la
addizione
l'addizione

phép trừ

la
sottrazione

phép nhân

la
moltiplicazione

phép chia

la
divisione

diện tích

la
area
l'area

thể tích

il
volume

hình chữ nhật

il
rettangolo

hình vuông

il
quadrato

tam giác

il
triangolo

hình tròn

il
cerchio

lít

il
litro

mililít

il
millilitro

tấn

la
tonnellata

kilôgam

il
chilogrammo

gram

il
grammo

nam châm

il
magnete

kính hiển vi

il
microscopio

cái phễu

il
imbuto
l'imbuto

phòng thí nghiệm

il
laboratorio

bài giảng

la
lezione

Thiên nhiên

tro

la
cenere

lửa

il
fuoco

kim cương

il
diamante

mặt trăng

la
luna

mặt trời

il
sole

ngôi sao

la
stella

hành tinh

il
pianeta

bờ biển
biển

la
costa

hồ

il
lago

rừng

la
foresta

sa mạc

il
deserto

đồi núi

la
collina

đá
danh từ

la
roccia

con sông

il
fiume

thung lũng

la
valle

núi

la
montagna

đảo

la
isola
l'isola

đại dương

il
oceano
l'oceano

biển

il
mare

băng

il
ghiaccio

tuyết

la
neve

bão táp

la
tempesta

mưa

la
pioggia

gió

il
vento

cây

il
albero
l'albero

cỏ

la
erba
l'erba

hoa hồng

la
rosa

hoa

il
fiore

kim loại

il
metallo

đất

il
suolo

dung nham

la
lava

than

il
carbone

cát

la
sabbia

đất sét

la
argilla
l'argilla

tên lửa

il
razzo

vệ tinh

il
satellite

thiên hà

la
galassia

tiểu hành tinh

lo
asteroide
l'asteroide

lục địa

il
continente

đường Xích đạo

il
equatore
l'equatore

Nam cực

il
Polo Sud

Bắc cực

il
Polo Nord

suối

il
ruscello

rừng nhiệt đới

la
foresta pluviale

hang

la
grotta

thác nước

la
cascata

bờ biển
con sông

la
riva

sông băng

il
ghiacciaio

động đất

il
terremoto

miệng núi lửa

il
cratere

núi lửa

il
vulcano

khí quyển

la
atmosfera
l'atmosfera

lũ lụt

la
inondazione
l'inondazione

sương mù
danh từ

la
nebbia

cầu vồng

il
arcobaleno
l'arcobaleno

tiếng sấm

il
tuono

tia chớp

il
fulmine

cơn dông

il
temporale

nhệt độ

la
temperatura

bão nhiệt đới

il
tifone

bão

lo
uragano
l'uragano

mây

la
nuvola

cành cây

il
ramo

lá cây

la
foglia

rễ cây

la
radice

thân cây

il
tronco

hạt giống

il
seme

nhựa

la
plastica

cacbon điôxít

la
anidride carbonica
l'anidride carbonica

nguyên tử

il
atomo
l'atomo

sắt

il
ferro

ôxy

lo
ossigeno
l'ossigeno

vàng

lo
oro
l'oro

bạc

il
argento
l'argento

Giao thông

xe hơi

la
automobile
l'automobile

xe buýt

il
autobus
l'autobus

xe lửa

il
treno

ga xe lửa

la
stazione

trạm dừng xe buýt

la
fermata dell'autobus

máy bay

il
aereo
l'aereo

tàu

la
nave

xe tải

il
camion

xe đạp

la
bicicletta

xe mô tô

la
moto

xe taxi

il
taxi

đèn giao thông

il
semaforo

bãi đậu xe

il
parcheggio auto

đường
xe hơi

la
strada

ắc quy

la
batteria

động cơ
xe hơi

il
motore

túi khí

il
airbag
l'airbag

vô-lăng

il
volante

dây an toàn

la
cintura

lốp xe

il
pneumatico

cốp sau

il
bagagliaio

máy bán vé

la
biglietteria automatica

phòng bán vé

la
biglietteria

tàu điện ngầm

la
metropolitana

tàu cao tốc

il
treno ad alta velocità

đầu máy

la
locomotiva

xe điện

il
tram

xe buýt trường học

lo
scuolabus

xe buýt nhỏ

il
pulmino

sân bay

il
aeroporto
l'aeroporto

hãng hàng không

la
linea aerea

máy bay trực thăng

il
elicottero
l'elicottero

hạng nhất

la
prima classe

hạng phổ thông

la
classe economica

hạng thương gia

la
business class

áo phao

il
giubbotto di salvataggio

công ten nơ

il
container

tàu ngầm

il
sottomarino

tàu du lịch

la
nave da crociera

tàu chở hàng

la
nave cargo

du thuyền

lo
yacht

phà

il
traghetto

hải cảng

il
porto

xuồng cứu sinh

la
scialuppa di salvataggio

ra đa

il
radar

đèn đường

la
illuminazione stradale
l'illuminazione stradale

vĩa hè

il
marciapiede

trạm xăng

la
stazione di rifornimento

công trường

il
cantiere

vạch qua đường

il
attraversamento pedonale
l'attraversamento pedonale

tắc đường

il
ingorgo stradale
l'ingorgo stradale

đường cao tốc

la
autostrada
l'autostrada

xe tăng

il
carro armato

máy xúc

la
scavatrice

máy kéo

il
trattore

rơ-moóc

la
roulotte

xe tay ga

il
motorino

xe cáp treo

la
funivia

Thành phố

bệnh viện

lo
ospedale
l'ospedale

trường học

la
scuola

nhà ở

la
casa

hóa đơn

il
conto

chợ

il
mercato

siêu thị

il
supermercato

căn hộ

il
appartamento
l'appartamento

trường đại học

la
università
l'università

nông trại

la
fattoria

nhà thờ

la
chiesa

nhà hàng

il
ristorante

quán bar

il
bar

phòng thể dục

la
palestra

công viên

il
parco

nhà vệ sinh
đại cương

il
gabinetto

bản đồ

la
mappa

xe cứu thương

la
ambulanza
l'ambulanza

cảnh sát
đại cương

la
polizia

lính cứu hỏa
đại cương

i
pompieri

quốc gia

la
nazione

ngoại ô

il
sobborgo

ngôi làng

il
villaggio

bảo hành

la
garanzia

trung tâm mua sắm

il
centro commerciale

tiệm thuốc

la
farmacia

tòa nhà chọc trời

il
grattacielo

lâu đài

il
castello

đại sứ quán

la
ambasciata
l'ambasciata

giáo đường Do Thái

la
sinagoga

ngôi đền

il
tempio

nhà máy

la
fabbrica

nhà thờ Hồi giáo

la
moschea

tòa thị chính

il
municipio

bưu điện

la
posta

đài phun nước

la
fontana

câu lạc bộ đêm

il
night-club

băng ghế

la
panchina

sân golf

il
corso di golf

sân bóng đá

lo
stadio

hồ bơi
tòa nhà

la
piscina

sân quần vợt

il
campo da tennis

thông tin du lịch

il
ufficio informazioni turistiche
l'ufficio informazioni turistiche

sòng bạc

il
casinò

phòng triển lãm nghệ thuật

la
galleria d'arte

bảo tàng

il
museo

công viên quốc gia

il
parco nazionale

quà lưu niệm

il
souvenir

thủy cung

il
acquario
l'acquario

trượt nước

lo
scivolo d'acqua

tàu lượn siêu tốc

le
montagne russe

công viên nước

il
parco acquatico

vườn bách thú

lo
zoo

sân chơi

il
parco giochi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

la
uscita di emergenza
l'uscita d'emergenza

chuông báo cháy

il
allarme antincendio
l'allarme antincendio

bình cứu hỏa

il
estintore
l'estintore

đồn cảnh sát

la
stazione di polizia

tiểu bang

lo
stato

khu vực

la
regione

thủ đô

la
capitale

Bệnh viện

tai nạn

il
incidente
l'incidente

bệnh nhân

il
paziente

phẫu thuật

la
chirurgia

viên thuốc

la
pillola

sốt

la
febbre

ho

la
tosse

phòng cấp cứu

il
pronto soccorso

khoa hồi sức tích cực

la
terapia intensiva

phòng chờ

la
sala d'attesa

thuốc aspirin

la
aspirina
l'aspirina

thuốc ngủ

il
sonnifero

ngày hết hạn

la
data di scadenza

liều lượng

il
dosaggio

si-rô ho

lo
sciroppo per la tosse

tác dụng phụ

il
effetto collaterale
l'effetto collaterale

insulin

la
insulina
l'insulina

bột

la
polvere

viên nhộng

la
capsula

vitamin

la
vitamina

thuốc giảm đau

il
antidolorifico
l'antidolorifico

kháng sinh

gli
antibiotici

vi khuẩn

il
batterio

vi rút

il
virus

đau tim

il
infarto
l'infarto

tiêu chảy

la
diarrea

tiểu đường

il
diabete

đột quỵ

lo
ictus
l'ictus

hen suyễn

il
asma
l'asma

ung thư

il
cancro

cúm

la
influenza
l'influenza

đau răng

il
mal di denti

cháy nắng

la
scottatura

viêm họng

il
mal di gola

đau bụng

il
mal di stomaco

nhiễm trùng

la
infezione
l'infezione

dị ứng

la
allergia
l'allergia

chuột rút

il
crampo

đau đầu

il
mal di testa

ống tiêm

la
siringa

nặng

la
stampella

chụp X quang

la
radiografia

máy siêu âm

il
ecografo
l'ecografo

bó bột
nhỏ bé

il
cerotto

xe lăn

la
sedia a rotelle

bó bột
gãy xương

il
gesso

mạch

il
polso

chấn thương

la
lesione

cấp cứu

la
emergenza
l'emergenza

chấn động

la
commozione cerebrale

vết bỏng

la
ustione
l'ustione

gãy xương

la
frattura

thuốc tránh thai

la
pillola anticoncezionale

thử thai

il
test di gravidanza

Nghề nghiệp

bác sĩ

il
dottore

y tá

la
infermiera
l'infermiera

cảnh sát
người

il
poliziotto

tổng thống

il
presidente

thuyền trưởng

il
capitano

thám tử

il
investigatore
l'investigatore

phi công

il
pilota

giáo sư

il
professore

giáo viên

il
insegnante
l'insegnante

luật sư

il
avvocato
l'avvocato

thư ký

la
segretaria

trợ lý

il
assistente
l'assistente

thẩm phán

il
giudice

quản lý

il
dirigente

đầu bếp

il
cuoco

tài xế taxi

il
tassista

tài xế xe buýt

il
autista di autobus
l'autista di autobus

người mẫu

il
modello

nghệ sĩ

il
artista
l'artista

thủ tướng

il
primo ministro

dược sĩ

il
farmacista

lính cứu hỏa
người

il
pompieri

nha sĩ

il
dentista

doanh nhân

il
imprenditore
l'imprenditore

chính trị gia

il
politico

lập trình viên

il
programmatore

tiếp viên hàng không

la
assistente di volo
l'assistente di volo

nhà khoa học

lo
scienziato

giáo viên mầm non

la
maestra d'asilo

kiến trúc sư

il
architetto
l'architetto

kế toán viên

il
ragioniere

tư vấn viên

il
consulente

công tố viên

il
pubblico ministero

tổng quản lý

il
direttore generale

vệ sĩ

la
guardia del corpo

chủ nhà

il
proprietario

bồi bàn

il
cameriere

nhân viên bảo vệ

il
guardia di sicurezza

bộ đội

il
soldato

ngư dân

il
pescatore

nhân viên vệ sinh

la
addetta alle pulizie
l'addetta alle pulizie

thợ sửa ống nước

il
idraulico
l'idraulico

thợ điện

il
elettricista
l'elettricista

nông dân

il
contadino

lễ tân

il
addetto alla reception
l'addetto alla reception

người đưa thư

il
postino

thu ngân

il
cassiere

thợ làm tóc

il
parrucchiere

tác giả

il
autore
l'autore

nhà báo

il
giornalista

nhiếp ảnh gia

il
fotografo

nhân viên cứu hộ

il
bagnino

ca sĩ

il
cantante

nhạc sĩ

il
musicista

diễn viên

il
attore
l'attore

phóng viên

il
inviato
l'inviato

huấn luyện viên

il
allenatore
l'allenatore

trọng tài

il
arbitro
l'arbitro

Kinh doanh

tiền

il
denaro

văn phòng

lo
ufficio
l'ufficio

áp lực

lo
stress

bảo hiểm

la
assicurazione
l'assicurazione

nhân viên
công ty

il
personale

bộ phận

il
reparto

lương

il
salario

địa chỉ

il
indirizzo
l'indirizzo

lá thư

la
lettera

số điện thoại

il
numero di telefono

url

il
url
l'url

địa chỉ email

il
indirizzo email
l'indirizzo email

trang mạng

il
sito web

thư điện tử

la
e-mail

chữ ký

la
firma

thua lỗ

la
perdita

lợi nhuận

il
profitto

khách hàng

il
cliente

số tiền

il
importo
l'importo

thẻ tín dụng

la
carta di credito

mật khẩu

la
password

máy rút tiền

il
bancomat

thuế

la
imposta
l'imposta

phòng họp

la
sala riunioni

danh thiếp

il
biglietto da visita

công nghệ thông tin

il
reparto informatico

nhân sự

le
risorse umane

bộ phận pháp lý

il
reparto legale

kế toán

la
contabilità

tiếp thị

il
marketing

bán hàng

le
vendite

đồng nghiệp

il
collega

người sử dụng lao động

il
datore di lavoro

nhân viên
người

il
dipendente

chú thích

la
nota

thuyết trình

la
presentazione

bìa cứng

la
cartella

con dấu cao su

il
timbro

máy chiếu

il
proiettore

bưu kiện

il
pacco

con tem

il
francobollo

phong bì

la
busta

trình duyệt

il
browser

đầu tư

il
investimento
l'investimento

sàn giao dịch chứng khoán

la
borsa valori

tiền giấy

la
banconota

tiền xu

la
moneta

tiền lãi

il
interesse
l'interesse

khoản vay

il
prestito

số tài khoản

il
numero di conto

tài khoản ngân hàng

il
conto bancario

Thiết bị

điện thoại

il
telefono

bộ tivi

il
apparecchio televisivo
l'apparecchio televisivo

máy ảnh

la
macchina fotografica

đài radio

la
radio

quạt

il
ventilatore

máy điều hòa

il
climatizzatore

máy pha cà phê

la
macchina del caffè

máy nướng bánh mì

il
tostapane

máy hút bụi

la
aspirapolvere
l'aspirapolvere

máy sấy tóc

il
asciugacapelli
l'asciugacapelli

ấm đun nước

il
bollitore

máy rửa chén

la
lavastoviglie

bếp điện

il
fornello

lò nướng

il
forno

lò vi sóng

il
microonde

tủ lạnh

il
frigo

máy giặt

la
lavatrice

điều khiển từ xa

il
telecomando

tai nghe

il
auricolare
l'auricolare

chuột

il
mouse

bàn phím

la
tastiera

ổ cứng

il
disco rigido

thanh USB

la
penna usb

máy quét

lo
scanner

máy in

la
stampante

màn hình

lo
schermo

máy tính xách tay

il
portatile

rô bốt

il
robot

loa

il
altoparlante
l'altoparlante

